

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 883/2025/DS – ST
Ngày: 04 - 9 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thu Hiền
2. Ông Phan Trọng Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST – DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959

2/ Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: B đường N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Văn bản ủy quyền số 004927, ngày 16/5/2024).

(ông Q có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn:

1/ Bà Bùi Kim C, sinh năm 1977

2/ Ông Phan Anh T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: G đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bà C và ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Huy H do ông Huỳnh Văn Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/5/2017 ông H và bà L có cho ông Phan Anh T và bà Bùi Kim C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 19/10/2017 tiếp tục cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng. Đến ngày 04/10/2023, hai bên ký hợp đồng thanh toán nợ, theo nội dung của hợp đồng xác định ông T và bà C còn nợ ông H và bà L số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn thanh toán là đến hết ngày 31/12/2023, ông T và bà C sẽ thanh toán nợ gốc và tiền lãi còn nợ. Tuy nhiên, hết thời hạn trên ông T và bà C không thanh toán mặc dù ông H và bà L đã liên hệ ông T và bà C nhiều lần nhưng không có kết quả.

Vì vậy ông H và bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Anh T và bà Bùi Kim Chi T1 số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thanh toán nợ ký ngày 04/10/2023 và khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 01/9/2025 bao gồm các khoản sau:

- Từ ngày 19/10/2017 đến ngày 03/10/2023 là 05 năm 11 tháng 15 ngày, tuy nhiên vì thời gian này bị đơn khó khăn và tình hình dịch Covid 19 xảy ra nên nguyên đơn chỉ tính lãi với thời gian là 3 năm, theo mức lãi suất là 20%/năm thì tiền lãi trong khoảng thời gian này là: $03 \text{ năm} \times 20\% \times 3.000.000.000 \text{ đồng} = 1.800.000.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 04/10/2023 đến ngày 31/12/2023 là 89 ngày, lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (lãi suất 10%/năm) thì tiền lãi trong khoảng thời gian này là: $10\% : 365 \text{ ngày} \times 3.000.000.000 \text{ đồng} \times 89 \text{ ngày} = 73.150.680 \text{ đồng}$ (làm tròn là 73.000.000 đồng)

- Từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử 01/9/2025 là 01 năm 08 tháng với mức lãi suất là 20%/năm. Vậy tiền lãi trong khoảng thời gian này là $609 \text{ ngày} \times (20\% : 365 \text{ ngày}) \times 3.000.000.000 \text{ đồng} = 1.001.095.089 \text{ đồng}$ (làm tròn là 1.000.000.000 đồng).

- Từ ngày 02/9/2025 đến ngày 04/9/2025 nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi.

Vậy tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/9/2025 là 5.873.000.000 đồng. Yêu cầu ông Phan Anh T và bà Bùi Kim C thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Anh T và bà Bùi Kim C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy nhận nợ ngày 08/4/2017; Hợp đồng thanh toán nợ ký ngày 04/10/2023; Bảng kê chi – VNĐ ngày 17/5/2017 và 09/10/2017 là chứng cứ duy nhất và hợp pháp để giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, ông T và bà C có nghĩa vụ trả cho ông H và bà L số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu về lãi suất, ông T và bà C có nghĩa vụ trả cho ông H và bà L số tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm từ ngày 19/10/2017 đến ngày 03/10/2023 là 1.800.000.000 đồng cùng tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/01/2024 đến 01/9/2025 là 500.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi từ ngày 04/10/2023 đến 31/12/2023 với mức lãi suất là 10%/năm là 73.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 5.300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn ông Phan Anh T, bà Bùi Kim C có nơi cư trú cuối cùng tại quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Anh T và bà Bùi Kim C đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T và bà C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 08/4/2017, bảng kê chi ngày 17/5/2017, bảng kê chi ngày 09/10/2017 và Hợp đồng thanh toán nợ ngày 04/10/2023 thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Huy H và bà Phạm Thị L cho ông Phan Anh T và bà Bùi Kim C vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Theo hợp đồng ngày 04/10/2023 thì thời hạn trả nợ của ông T và bà C cho ông H và bà L là ngày 31/12/2023 nhưng đến nay bị đơn chưa thực hiện việc thanh toán nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ

sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Phan Anh T và Bùi Kim C phải trả số nợ gốc là 3.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Huy H và bà Phạm Thị L.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán nợ lãi: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản tiền lãi như sau:

- Từ ngày 19/10/2017 đến ngày 03/10/2023, với số tiền lãi là 1.800.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 08/4/2017 các bên thỏa thuận lãi 3%/tháng, việc thỏa thuận lãi tại giấy nhận nợ là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên nay nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 20%/năm là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 19/10/2017 đến ngày 03/10/2023 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, thời gian tính lãi là 05 năm 11 tháng 14 ngày. Xét nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trong thời hạn 03 năm là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn từ ngày 19/10/2017 đến ngày 03/10/2023 là $3.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 03 \text{ năm} = 1.800.000.000 \text{ đồng}$.

- Căn cứ hợp đồng thanh toán nợ ngày 04/10/2023, loại hợp đồng vay có thời hạn từ ngày 04/10/2023 đến ngày 31/12/2023, nhưng không thỏa thuận lãi suất. Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...”*. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào hợp đồng thanh toán nợ ngày 04/10/2023 các bên không thỏa thuận lãi suất nên yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 04/10/2023 đến ngày 31/12/2023 là không có cơ sở nên không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/9/2025 là 01 năm 08 tháng với mức lãi suất là 20%/năm. Tiền lãi trong khoảng thời gian này là $609 \text{ ngày} \times (20\% : 365 \text{ ngày}) \times 3.000.000.000 \text{ đồng} = 1.001.095.089 \text{ đồng}$ (làm tròn là 1.000.000.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn xác định thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày đến ngày xét xử 01/9/2025 với mức lãi suất 20%/năm không phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất áp dụng trong khoảng thời gian này được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm, lãi suất trên nợ gốc 3.000.000.000 đồng được tính như sau:

$$3.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 300.000.000 \text{ đồng};$$

$$3.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 12 \text{ tháng} \times 08 \text{ tháng} = 200.000.000 \text{ đồng}$$

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/9/2025 là 500.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $1.800.000.000 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng} = 2.300.000.000 \text{ đồng}$.

- Đối với tiền lãi từ ngày 02/9/2025 đến ngày 04/9/2025, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Xét về thời hạn và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi còn thiếu một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Huy H là người cao tuổi được quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 (Trên 60 tuổi) thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà L và ông H được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là 573.000.000 (năm trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Anh T và bà Bùi Kim Chi T1 cho ông Nguyễn Huy H và bà Phạm Thị L số tiền là 5.300.000.000 (năm tỷ ba trăm triệu) đồng, trong đó, nợ gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng; nợ lãi là 2.300.000.000 (hai tỷ ba trăm triệu) đồng theo Hợp đồng thanh toán nợ ngày 04/10/2023.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi từ ngày 02/9/2025 đến ngày 04/9/2025.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Anh T và bà Bùi Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.300.000 (một trăm mười ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Miễn toàn bộ án phí đối với bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Huy H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 9;
- Cục THADS TP . Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm